TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-3-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn My.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Kệ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Xuân T, sinh năm 1984 (Xin vắng mặt).

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: T, xã R, huyện L, tỉnh Đắk Nông.

Nơi ở hiện nay: Ấp C, xã C, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Võ Hồng Đ, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã C, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 02 năm 2019 cùng với các tài liệu kèm theo, anh Trần Xuân T trình bày: Anh và chị Võ Hồng Đ kết hôn vào ngày 11/11/2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện L, tỉnh Đắk Nông. Sau thời gian chung sống thì giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, tình cảm vợ chồng phai nhạt và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm giữa vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Võ Hồng Đ. Về con chung, có một

người tên là D (giới tính nữ), sinh ngày 18 tháng 10 năm 2012, hiện do chị Võ Hồng Đ nuôi dưỡng. Anh đồng ý giao con cho chị Võ Hồng Đ tiếp tục nuôi và anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13 tháng 02 năm 2019 và tại phiên tòa, bị đơn chị Võ Hồng Đ trình bày: Về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian không còn sống chung đúng như anh Trần Xuân T đã khai. Nay cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị đồng ý ly hôn với anh Trần Xuân T. Con chung có một người đúng như anh Trần Xuân T đã trình bày, chị chấp nhận nuôi con chung và không yêu cầu anh Trần Xuân T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh Trần Xuân T ly hôn với chị Võ Hồng Đ. Về con chung, giao một người con chung cho chị Võ Hồng Đ nuôi dưỡng, anh Trần Xuân T không cấp dưỡng nuôi con. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, buộc anh Trần Xuân T phải chịu theo quy định chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc anh Trần Xuân T yêu cầu ly hôn chị Võ Hồng Đ là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, anh Trần Xuân T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Trần Xuân T là có căn cứ.

[2] Xét về hôn nhân, anh Trần Xuân T và chị Võ Hồng Đ kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện L, tỉnh Đắk Nông vào ngày 11 tháng 11 năm 2011, nên hôn nhân giữa anh Trần Xuân T và chị Võ Hồng Đ được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét về mâu thuẫn thì anh Trần Xuân T và chị Võ Hồng Đ đều thừa nhận là quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Chính vì cuộc sống chung không thể tiếp tục và hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên anh Trần Xuân T yêu cầu ly hôn và được chị Võ Hồng Đ đồng ý. Xét thấy, hôn nhân của anh Trần Xuân T và chị Võ Hồng Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chính vì vậy, chấp nhận cho anh Trần Xuân T được ly hôn với chị Võ Hồng Đ là có căn cứ.

[4] Về con chung, có một người tên là D (giới tính nữ), sinh ngày 18 tháng 10 năm 2012, hiện do chị Võ Hồng Đ nuôi dưỡng. Anh Trần Xuân T và chị Võ Hồng Đ thống nhất thỏa thuận giao con chung cho chị Võ Hồng Đ tiếp tục nuôi

và chị Võ Hồng Đ không yêu cầu anh Trần Xuân T phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa anh Trần Xuân T và chị Võ Hồng Đ là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đúng theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó, công nhận sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa anh Trần Xuân T và chị Võ Hồng Đ là có căn cứ.

[5] Anh Trần Xuân T và chị Võ Hồng Đ xác định tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Trần Xuân T chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trần Xuân T được ly hôn với chị Võ Hồng Đ.

2. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Chị Võ Hồng Đ chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung tên là D (giới tính nữ), sinh ngày 18 tháng 10 năm 2012. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Võ Hồng Đ không yêu cầu anh Trần Xuân T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Xuân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Trần Xuân T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007482, ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, anh Trần Xuân T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Võ Hồng Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Xuân T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương